

**Health Center Patient Survey
Cognitive Interviewing Materials
(Vietnamese)**

1. Introductory text in Cognitive interviews

Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế 2014 Thủ Tục Nhận Thức

Tôi muốn quý vị được biết một đôi điều trước khi chúng ta tiến hành.

Chúng tôi sẽ thử nghiệm bản câu hỏi về dịch vụ chăm sóc y tế mà bệnh nhân tại các trung tâm y tế đã sử dụng. Bản câu hỏi này cuối cùng sẽ được gửi đến cho bệnh nhân trên toàn quốc. Chúng tôi liên lạc với quý vị vì gần đây quý vị có đến khám chữa bệnh tại một trung tâm y tế.

Chúng tôi sẽ thử nghiệm các câu hỏi khảo sát ý kiến này với những người khác nhau để xác định chất lượng của các câu hỏi đó. Chúng tôi muốn biết: Chúng có ý nghĩa không? Trả lời chúng dễ hoặc khó như thế nào? Chúng tôi cần biết quý vị hiểu ý nghĩa của từng câu hỏi như thế nào và cách quý vị suy nghĩ để trả lời chúng ra sao. Việc này sẽ giúp chúng tôi biết bản câu hỏi này có vướng mắc gì hay không. Câu trả lời của quý vị sẽ giúp ích cho chúng tôi trong việc soạn thảo bản câu hỏi khảo sát ý kiến. Không có câu trả lời nào là đúng hoặc sai. Chúng tôi sẽ không hỏi về tình trạng pháp lý hoặc tình trạng nhập cư của quý vị.

Cách làm của chúng tôi là—Chúng ta sẽ cùng nhau điếm qua bản câu hỏi. Tôi sẽ đọc câu hỏi cho quý vị và quý vị sẽ trả lời cho tôi biết. Khi quý vị suy nghĩ để trả lời, tôi muốn quý vị “đọc lớn suy nghĩ” của mình lên. Nhờ vậy tôi có thể hiểu được cách suy nghĩ để trả lời của quý vị. Có lẽ quý vị sẽ cảm thấy hơi ngượng khi làm công việc này, nhưng nó sẽ giúp tôi hiểu được quý vị quyết định trả lời như thế nào và quý vị nghĩ gì về câu hỏi đó. Tôi xin nhắc lại rằng, không có câu trả lời nào là đúng hoặc sai. Ví dụ tôi muốn quý vị sẽ cố gắng làm như sau:

Chẳng hạn tôi sẽ hỏi quý vị: *Quý vị có mấy cái Ti Vi?*

Thay vì trả lời: *Hai cái Ti Vi*

Quý vị có thể nói: *Vâng, chúng tôi có một cái Ti Vi trong phòng chính và tôi có một cái Ti Vi trong phòng ngủ của tôi. À, con trai đang sống cùng với tôi có một cái Ti Vi trong phòng của cháu. Con gái tôi cũng có một cái Ti Vi trong phòng cháu, nhưng hầu hết mọi thời gian cháu đều ở với dì và chỉ ở với tôi vào cuối tuần. Bởi vậy tôi chẳng rõ quý vị có muốn tôi tính cả những cái đó vào hay không.*

Quý vị thấy đấy, nếu quý vị chỉ trả lời đơn giản là hai cái Ti Vi, chúng tôi đâu biết được về những cái Ti Vi sử dụng cho con của quý vị. Điều quan trọng trong cuộc phỏng vấn này là để hiểu được **cách** suy nghĩ để trả lời của quý vị chứ không chỉ là bản thân câu trả lời của quý vị.

Quý vị có thắc mắc gì về ví dụ này không?

Sau một số câu hỏi trong cuộc khảo sát ý kiến, tôi cũng sẽ hỏi quý vị một số câu hỏi tiếp theo. Tuy nhiên, xin quý vị cứ tự nhiên cho biết suy nghĩ của mình về bất kỳ câu hỏi nào vào bất cứ lúc nào, ngay cả khi tôi không hỏi quý vị về chúng. Quý vị cũng có thể hỏi tôi về bất kỳ câu hỏi nào có vẻ như khó hiểu.

Trước khi tiến hành tôi xin trao cho quý vị mẫu thỏa thuận này. Trong mẫu có giải thích về cuộc nghiên cứu và những gì quý vị được yêu cầu thực hiện. Nếu quý vị có thắc mắc, xin cứ ngắt lời tôi để hỏi cho rõ.

TRAO MẪU THỎA THUẬN. XEM XÉT NHỮNG ĐIỂM CHÍNH CỦA MẪU

Khi xem xong, xin quý vị ký tên vào dòng chữ ký [CHỈ VÀO DÒNG NÀY] để thể hiện rằng quý vị đã hiểu được vai trò của quý vị và tự nguyện tham gia. Tôi cũng sẽ trao cho quý vị một bản sao của mẫu thỏa thuận này để lưu giữ. Có những số điện thoại để quý vị có thể gọi khi có bất kỳ thắc mắc nào về cuộc nghiên cứu này sau ngày hôm nay.

THU LẠI MẪU THỎA THUẬN ĐÃ KÝ.

Quý vị có thắc mắc gì nữa không trước khi chúng ta tiến hành?

2. Consent Forms

(1) Adult consent form

Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Dành Cho Người Trưởng Thành Tham Gia Thủ Tục Tiền Khảo Sát Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế

Về Cuộc Khảo Sát Ý Kiến

Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế là một cuộc nghiên cứu do RTI International thực hiện. Cuộc khảo sát này được Bureau of Primary Health Care (Phòng Chăm Sóc Sức Khỏe Ban Đầu) của Health Resources and Services Administration (HRSA – Cơ Quan Quản Trị Dịch Vụ và Nguồn Lực Y Tế) bảo trợ. Đây là cuộc khảo sát về những người sử dụng dịch vụ y tế tại những nơi như trung tâm y tế này chẳng hạn. Cuộc khảo sát sẽ cố gắng xác định những loại vấn đề y tế mà dân chúng đang gặp phải và tìm hiểu xem các trung tâm y tế đang đáp ứng được đến đâu cho nhu cầu của người sử dụng họ. Trước khi thực hiện cuộc khảo sát, chúng tôi muốn biết những các câu hỏi mà chúng tôi dự định hỏi có thể hiểu được hay không. Mục đích của thủ tục “tiền khảo sát” này là để biết chất lượng các câu hỏi ra sao. Quý vị nằm trong số khoảng 71 người RTI đã chọn để tham gia.

Tham Gia

Nếu đồng ý tham gia, quý vị sẽ được hỏi một số câu về sức khỏe của quý vị và các dịch vụ mà quý vị đã sử dụng tại trung tâm y tế này. Một vài câu có thể sẽ có tính riêng tư, như những câu hỏi về việc sử dụng ma túy hoặc bia rượu và các cảm nhận của quý vị. Cũng có thể có những câu hỏi về HIV/AIDS. Hầu hết những câu này đều hỏi về việc ít nhạy cảm như quý vị đã được chăm sóc y tế như thế nào và quý vị có mắc những bệnh nào đó như hen suyễn hoặc tiểu đường hay không. Quý vị hãy cố đọc lớn suy nghĩ của quý vị lên càng nhiều càng tốt khi trả lời những câu hỏi này. Tôi sẽ hỏi một số câu truy tiếp để được biết cách suy nghĩ để trả lời của quý vị. Xin nói cho tôi biết khi quý vị gặp một câu hỏi không có ý nghĩa hoặc làm cho quý vị cảm thấy không thoải mái. Có người được hỏi ít, nhưng cũng có người sẽ được hỏi nhiều. Cuộc phỏng vấn này có thể sẽ kéo dài khoảng 75 phút.

Tự Nguyện Tham Gia

Quý vị có thể tự quyết định tham gia hay không tham gia. Nếu quý vị quyết định không tham gia, việc này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ dịch vụ nào mà quý vị có thể sẽ sử dụng tại trung tâm y tế này hoặc trong bất kỳ chương trình nào khác. Nếu quý vị không muốn trả lời một số câu nào đó mà quý vị được hỏi, cũng vẫn được. Nếu quý vị quyết định bỏ ngang không trả lời nữa, cũng chẳng sao. Một số câu hỏi có thể sẽ khiến cho quý vị cảm thấy không thoải mái hoặc có những cảm xúc khác nhau. Nếu quý vị muốn nghỉ một chút vào bất cứ lúc nào, xin nói cho tôi biết.

Lợi Ích

Quý vị sẽ không nhận được lợi ích trực tiếp nào. Tuy nhiên, quý vị sẽ giúp cho chúng tôi được biết thêm về việc nên thực hiện cuộc Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế như thế nào. Như chúng tôi đã lưu ý, mục tiêu của cuộc khảo sát ý kiến này là để biết được nhu cầu y tế của người sử dụng các trung tâm y tế như trung tâm y tế này chẳng hạn.

Thù Lao Cho Việc Tham Gia

Nếu tham gia, quý vị sẽ được nhận thù lao 50\$ tiền mặt thay cho lời cảm ơn quý vị đã dành thời gian cho chúng tôi. Trung bình, cuộc phỏng vấn sẽ mất khoảng 75 phút để hoàn tất.

Các Nguy Cơ Khi Tham Gia Nghiên Cứu

Có hai nguy cơ liên quan đến việc tham gia nghiên cứu. Một là, những câu hỏi của chúng tôi có thể sẽ gây cảm giác không thoải mái hoặc khó chịu cho quý vị. Nếu cảm thấy không thoải mái hoặc khó chịu, quý vị có thể yêu cầu người phỏng vấn nghỉ một chút hoặc bỏ qua bất kỳ câu hỏi nào. Nguy cơ thứ hai là ai đó có thể sẽ biết được quý vị nói với chúng tôi những gì khi phỏng vấn. Để tránh được điều này, chúng tôi sẽ bảo mật cho cuộc phỏng vấn để không ai có thể nghe được câu trả lời của quý vị. Chúng tôi cũng sẽ tạo ra và sử dụng một con số thay cho tên của quý vị để định danh cuộc phỏng vấn của quý vị. Việc này sẽ ngăn không cho bất kỳ ai biết được những câu trả lời của quý vị.

Quyền Riêng Tư Của Quý Vị

Mọi điều quý vị nói với tôi sẽ được bảo mật. Bảo mật các câu trả lời của quý vị là việc rất quan trọng, nên tôi xin được nói qua đôi điều về việc này. Bất cứ ai tham gia cuộc nghiên cứu này cũng đã ký một thỏa thuận rằng họ sẽ bảo mật cho thông tin mà quý vị cung cấp. Những điều quý vị nói với tôi sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ ai tại trung tâm nghiên cứu này. Chúng tôi sẽ không hỏi về tình trạng pháp lý hoặc tình trạng nhập cư của quý vị.

Thắc Mắc

Nếu có thắc mắc gì về cuộc nghiên cứu này, quý vị có thể gọi cho [XXXXXX] theo số [1(XXX) XXX-XXXX]. Nếu có thắc mắc gì về quyền của quý vị với tư cách là người tham gia nghiên cứu, quý vị có thể gọi cho Office of Research Protections (Phòng Bảo Vệ Trong Nghiên Cứu) của RTI theo số (1-866-214-2043).

Quý vị có câu nào muốn hỏi để có thể giúp quyết định tham gia hay không tham gia cuộc nghiên cứu này không?

Bằng việc ký tên dưới đây, quý vị thể hiện sự đồng ý tham gia của quý vị. Xin chỉ ký tên khi:

- ✓ Quý vị đã hiểu thông tin về cuộc nghiên cứu mô tả trong mẫu thỏa thuận này,
- ✓ Quý vị đã được giải đáp đầy đủ cho tất cả các thắc mắc của quý vị, và
- ✓ Quý vị muốn tham gia.

Quý vị sẽ được nhận một bản sao của bản thỏa thuận này để lưu giữ.

Chữ Ký Của Người Tham Gia: _____ **Ngày:** _____

Chữ Ký Của Người Phỏng Vấn: _____ **Ngày:** _____

(2) Parent/guardian proxy interview consent form

Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Dành Cho Cha Mẹ/Người Giám Hộ Tham Gia Thủ Tục Tiền Khảo Sát Để Phòng Vấn Thay Cho Con Còn Phụ Thuộc Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế

Về Cuộc Khảo Sát Ý Kiến

Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế là một cuộc nghiên cứu do RTI International thực hiện. Cuộc khảo sát này được Bureau of Primary Health Care (Phòng Chăm Sóc Sức Khỏe Ban Đầu) của Health Resources and Services Administration (HRSA – Cơ Quan Quản Trị Dịch Vụ và Nguồn Lực Y Tế) bảo trợ. Đây là cuộc khảo sát về những người sử dụng dịch vụ y tế tại những nơi như trung tâm y tế này chẳng hạn. Cuộc khảo sát sẽ cố gắng xác định những loại vấn đề y tế mà dân chúng đang gặp phải và tìm hiểu xem các trung tâm y tế đang đáp ứng được đến đâu cho nhu cầu của người sử dụng họ. Trước khi thực hiện cuộc khảo sát, chúng tôi muốn biết những câu mà chúng tôi dự định hỏi có thể hiểu được hay không. Mục đích của thủ tục “tiền khảo sát” này là để biết chất lượng các câu hỏi ra sao. Con của quý vị, CHILD’S NAME, là một trong khoảng 71 người mà RTI chọn cho tham gia cuộc nghiên cứu. Vì cháu CHILD’S NAME chưa đủ 13 tuổi, chúng tôi xin được hỏi quý vị một số câu về sức khỏe của cháu và các dịch vụ mà cháu sử dụng tại trung tâm y tế này.

Tham Gia

Nếu quý vị đồng ý tham gia, quý vị sẽ được hỏi một số câu về sức khỏe của cháu và các dịch vụ mà cháu đã sử dụng tại trung tâm y tế này. Một vài câu có thể sẽ có tính riêng tư, như những câu hỏi về việc sử dụng ma túy hoặc bia rượu của cháu và các cảm nhận của cháu. Cũng có thể có những câu hỏi về HIV/AIDS. Tuy nhiên, hầu hết những câu hỏi này đều hỏi về việc ít nhạy cảm như cháu đã được chăm sóc y tế như thế nào và cháu có mắc những bệnh nào đó như hen suyễn hoặc tiểu đường hay không. Quý vị hãy cố đọc lớn suy nghĩ của quý vị lên càng nhiều càng tốt khi trả lời những câu hỏi này. Tôi sẽ hỏi một số câu truy tiếp để được biết cách suy nghĩ để trả lời của quý vị. Xin quý vị cho tôi biết khi gặp một câu hỏi không có ý nghĩa hoặc làm cho quý vị cảm thấy không thoải mái. Có người được hỏi ít, nhưng cũng có người sẽ được hỏi nhiều. Cuộc phỏng vấn này có thể sẽ kéo dài khoảng 75 phút.

Tự Nguyên Tham Gia

Quý vị có thể tự quyết định tham gia hay không tham gia. Nếu quý vị quyết định không tham gia, việc này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ dịch vụ nào mà cháu hoặc gia đình của quý vị có thể sẽ sử dụng tại trung tâm y tế này hoặc trong bất kỳ chương trình nào khác. Nếu quý vị không muốn trả lời một số câu nào đó mà quý vị được hỏi, cũng vẫn được. Nếu quý vị quyết định bỏ ngang không trả lời nữa, cũng chẳng sao. Một số câu hỏi có thể sẽ khiến cho quý vị cảm thấy không thoải mái hoặc có những cảm xúc khác nhau. Nếu quý vị muốn nghỉ một chút vào bất cứ lúc nào, xin nói cho tôi biết.

Lợi Ích

Quý vị hoặc con của quý vị sẽ không nhận được lợi ích trực tiếp nào. Tuy nhiên, quý vị sẽ giúp cho chúng tôi được biết thêm về việc nên thực hiện cuộc Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế như thế nào. Như chúng tôi đã lưu ý, mục tiêu của cuộc khảo sát ý kiến này là để biết được nhu cầu y tế của người sử dụng các trung tâm y tế như trung tâm y tế này chẳng hạn.

Thù Lao Cho Việc Tham Gia

Nếu tham gia, quý vị sẽ được nhận thù lao 50\$ tiền mặt thay cho lời cảm ơn quý vị đã dành thời gian cho chúng tôi. Trung bình, cuộc phỏng vấn sẽ mất khoảng 75 phút để hoàn tất.

Các Nguy Cơ Khi Tham Gia Nghiên Cứu

Có hai nguy cơ liên quan đến việc tham gia nghiên cứu. Một là, những câu hỏi của chúng tôi có thể sẽ gây cảm giác không thoải mái hoặc khó chịu cho quý vị. Nếu cảm thấy không thoải mái hoặc khó chịu, quý vị có thể yêu cầu người phỏng vấn nghỉ một chút hoặc bỏ qua bất kỳ câu hỏi nào. Nguy cơ thứ hai là ai đó có thể sẽ biết được quý vị nói với chúng tôi những gì khi phỏng vấn. Để tránh được điều này, chúng tôi sẽ bảo mật cho cuộc phỏng vấn để không ai có thể nghe được câu trả lời của quý vị. Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ tạo ra và sử dụng một con số thay cho tên của quý vị để định danh cuộc phỏng vấn của quý vị. Việc này sẽ ngăn không cho bất kỳ ai biết được những câu trả lời của quý vị.

Quyền Riêng Tư Của Quý Vị

Mọi điều quý vị nói với tôi sẽ được giữ bí mật. Giữ bí mật các câu trả lời của quý vị là việc rất quan trọng, nên tôi xin được nói qua đôi điều về việc này. Bất cứ ai tham gia cuộc nghiên cứu này cũng đã ký một thỏa thuận rằng họ sẽ bảo mật cho thông tin mà quý vị cung cấp. Những điều quý vị nói với tôi sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ ai tại trung tâm nghiên cứu này. Chúng tôi sẽ không hỏi về tình trạng pháp lý hoặc tình trạng nhập cư của quý vị.

Thắc Mắc

Nếu có thắc mắc gì về cuộc nghiên cứu này, quý vị có thể gọi cho [XXXXXX] theo số [1(XXX) XXX-XXXX]. Nếu có thắc mắc gì về quyền của quý vị với tư cách là người tham gia nghiên cứu, quý vị có thể gọi cho Office of Research Protections (Phòng Bảo Vệ Trong Nghiên Cứu) của RTI theo số (1-866-214-2043).

Quý vị có câu nào muốn hỏi để có thể giúp quyết định tham gia hay không tham gia cuộc nghiên cứu này không?

Bằng việc ký tên dưới đây, quý vị thể hiện sự đồng ý tham gia của quý vị. Xin chỉ ký tên khi:

- ✓ Quý vị đã hiểu thông tin về cuộc nghiên cứu mô tả trong mẫu thỏa thuận này,
- ✓ Quý vị đã được giải đáp đầy đủ cho tất cả các thắc mắc của quý vị, và
- ✓ Quý vị muốn tham gia.

Quý vị sẽ được nhận một bản sao của bản thỏa thuận này để lưu giữ.

Chữ Ký Của Người Tham Gia: _____ **Ngày:** _____

Chữ Ký Của Người Phỏng Vấn: _____ **Ngày:** _____

(3) Parent/guardian proxy interview consent form

**Giấy Phép Của Cha Mẹ/Người Giám Hộ Cho Con Chưa
Thành Niên Còn Phụ Thuộc (13-17 Tuổi) Tham Gia Thủ Tục Tiền Khảo Sát
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế**

Về Cuộc Khảo Sát Ý Kiến

Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế là một cuộc nghiên cứu do RTI International thực hiện. Cuộc khảo sát này được Bureau of Primary Health Care (Phòng Chăm Sóc Sức Khỏe Ban Đầu) của Health Resources and Services Administration (HRSA – Cơ Quan Quản Trị Dịch Vụ và Nguồn Lực Y Tế) bảo trợ. Đây là cuộc khảo sát về những người sử dụng dịch vụ y tế tại những nơi như trung tâm y tế này chẳng hạn. Cuộc khảo sát sẽ cố gắng xác định những loại vấn đề y tế mà dân chúng đang gặp phải và tìm hiểu xem các trung tâm y tế đang đáp ứng được đến đâu cho nhu cầu của người sử dụng họ. Trước khi thực hiện cuộc khảo sát, chúng tôi muốn biết những câu mà chúng tôi dự định hỏi có thể hiểu được hay không. Mục đích của thủ tục “tiền khảo sát” này là để biết chất lượng các câu hỏi ra sao. Con quý vị nằm trong số khoảng 71 người RTI đã chọn để tham gia.

Tham Gia

Nếu con quý vị đồng ý tham gia, cháu sẽ được hỏi một số câu về sức khỏe của cháu và các dịch vụ mà cháu sử dụng tại trung tâm y tế này. Một vài câu có thể sẽ có tính riêng tư, như những câu hỏi về việc sử dụng ma túy hoặc bia rượu của cháu và các cảm nhận của cháu. Cũng có thể có những câu hỏi về HIV/AIDS. Hầu hết những câu hỏi này đều hỏi về việc ít nhạy cảm như cháu đã được chăm sóc y tế như thế nào và cháu có mắc những bệnh nào đó như hen suyễn hoặc tiểu đường hay không. Chúng tôi sẽ yêu cầu cháu đọc lớn suy nghĩ của mình lên càng nhiều càng tốt khi trả lời cho những câu hỏi này. Tôi sẽ hỏi cháu một số câu truy tiếp để biết cách suy nghĩ để trả lời của cháu. Tôi sẽ yêu cầu cháu cho biết khi gặp một câu hỏi không có ý nghĩa hoặc làm cháu cảm thấy không thoải mái. Có người được hỏi ít, nhưng cũng có người sẽ được hỏi nhiều. Cuộc phỏng vấn này có thể sẽ kéo dài khoảng 75 phút.

Tự Nguyên Tham Gia

Con quý vị có thể tự quyết định tham gia hay không tham gia. Nếu quý vị không cho phép chúng tôi hoặc nếu cháu quyết định không tham gia, việc này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ dịch vụ nào mà cháu hoặc gia đình của quý vị có thể sẽ sử dụng tại trung tâm y tế này hoặc trong bất kỳ chương trình nào khác. Nếu cháu không muốn trả lời một số câu nào đó mà cháu được hỏi, cũng vẫn được. Nếu cháu quyết định bỏ ngang không trả lời nữa, cũng chẳng sao. Một số câu hỏi có thể sẽ khiến cho cháu cảm thấy không thoải mái hoặc có những cảm xúc khác nhau. Nếu cháu muốn nghỉ một chút vào bất cứ lúc nào, cháu chỉ cần nói cho tôi biết.

Lợi Ích

Quý vị hoặc con của quý vị sẽ không nhận được lợi ích trực tiếp nào. Tuy nhiên, cháu sẽ giúp cho chúng tôi được biết thêm về việc nên thực hiện cuộc Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế như thế nào. Như chúng tôi đã lưu ý, mục tiêu của cuộc khảo sát ý kiến này là để biết được nhu cầu y tế của người sử dụng các trung tâm y tế như trung tâm y tế này chẳng hạn.

Thù Lao Cho Việc Tham Gia

Ngoài ra, nếu tham gia, cháu sẽ được nhận 50\$ tiền mặt thay cho lời cảm ơn cháu đã dành thời gian cho chúng tôi. Trung bình, cuộc phỏng vấn sẽ mất khoảng 75 phút để hoàn tất.

Các Nguy Cơ Khi Tham Gia Nghiên Cứu

Có hai nguy cơ liên quan đến việc tham gia nghiên cứu. Một là, những câu hỏi của chúng tôi có thể sẽ gây cảm giác không thoải mái hoặc khó chịu cho cháu. Nếu cảm thấy không thoải mái hoặc khó chịu, cháu có thể yêu cầu người phỏng vấn nghỉ một chút hoặc bỏ qua bất kỳ câu hỏi nào. Nguy cơ thứ hai là ai đó có thể sẽ biết được cháu nói với chúng tôi những gì khi phỏng vấn. Để tránh được điều này, chúng tôi sẽ bảo mật cho cuộc phỏng vấn để không ai có thể nghe được câu trả lời của cháu. Chúng tôi cũng sẽ tạo ra và sử dụng một con số thay cho tên của cháu để định danh cuộc phỏng vấn của cháu. Việc này sẽ ngăn không cho bất kỳ ai biết được những câu trả lời của cháu.

Quyền Riêng Tư Của Cháu

Mọi điều cháu nói với tôi sẽ được giữ bí mật. Giữ bí mật các câu trả lời của cháu là việc rất quan trọng, nên tôi xin được nói qua đôi điều về việc này. Bất cứ ai tham gia cuộc nghiên cứu này cũng đã phải ký một thỏa thuận rằng họ sẽ bảo mật cho thông tin được cung cấp. Những điều cháu nói với tôi sẽ không được tiết lộ cho quý vị hoặc bất kỳ ai tại trung tâm nghiên cứu này. Chúng tôi sẽ không hỏi về tình trạng pháp lý hoặc tình trạng nhập cư của cháu.

Thắc Mắc

Nếu có thắc mắc gì về cuộc nghiên cứu này, quý vị có thể gọi cho [XXXXXX] theo số [1(XXX) XXX-XXXX]. Nếu có thắc mắc gì về quyền của quý vị với tư cách là người tham gia nghiên cứu, quý vị có thể gọi cho Office of Research Protections (Phòng Bảo Vệ Trong Nghiên Cứu) của RTI theo số (1-866-214-2043).

Quý vị có câu hỏi nào có thể giúp quý vị quyết định cho phép cháu tham gia hoặc không tham gia vào cuộc nghiên cứu không?

Bằng việc ký tên dưới đây, quý vị cho phép cháu tham gia vào cuộc nghiên cứu nói trên. Xin chỉ ký tên khi:

- ✓ Quý vị đã hiểu thông tin về cuộc nghiên cứu mô tả trong mẫu thỏa thuận này,
- ✓ Quý vị đã được giải đáp đầy đủ cho tất cả các thắc mắc của quý vị, và
- ✓ Quý vị cho phép con của quý vị tham gia.

Quý vị sẽ được nhận một bản sao của bản thỏa thuận này để lưu giữ.

Tên Cháu: _____

Chữ Ký Của Cha Mẹ/Người Giám Hộ: _____ **Ngày:** _____

Chữ Ký Của Người Phỏng Vấn: _____ **Ngày:** _____

(4) Consent form for minor children's interview

Giấy Đồng Ý Của Trẻ Chưa Thành Niên Còn Phụ Thuộc (13-17 tuổi) Tham Gia Thủ Tục Tiền Khảo Sát Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế

Về Cuộc Khảo Sát Ý Kiến

Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế là một cuộc nghiên cứu do RTI International thực hiện. Cuộc khảo sát này được Bureau of Primary Health Care (Phòng Chăm Sóc Sức Khỏe Ban Đầu) của Health Resources and Services Administration (HRSA – Cơ Quan Quản Trị Dịch Vụ và Nguồn Lực Y Tế) bảo trợ. Đây là cuộc khảo sát về những người sử dụng dịch vụ y tế tại những nơi như trung tâm y tế này chẳng hạn. Cuộc khảo sát sẽ cố gắng xác định những loại vấn đề y tế mà dân chúng đang gặp phải và tìm hiểu xem các trung tâm y tế đang đáp ứng được đến đâu cho nhu cầu của người sử dụng họ. Trước khi thực hiện cuộc khảo sát, chúng tôi muốn biết những câu mà chúng tôi dự định hỏi có thể hiểu được hay không. Mục đích của thủ tục “tiền khảo sát” này là để biết chất lượng các câu hỏi ra sao. Cháu nằm trong số khoảng 71 người RTI đã chọn để tham gia.

Tham Gia

Ông/bà (NAME OF PARENT/GUARDIAN) đã đồng ý cho tôi được mời cháu nói chuyện với tôi về sức khỏe của cháu và các dịch vụ mà cháu sử dụng tại trung tâm y tế này. Nếu cháu đồng ý, tôi sẽ hỏi cháu một số câu. Một vài câu có thể sẽ có tính riêng tư, như những câu hỏi về việc sử dụng ma túy hoặc bia rượu và các cảm nhận của cháu. Cũng có thể có những câu hỏi về HIV/AIDS. Hầu hết những câu hỏi này đều hỏi về việc ít nhạy cảm như cháu đã được chăm sóc y tế như thế nào và cháu có mắc những bệnh nào đó như hen suyễn hoặc tiểu đường hay không. Cháu hãy cố đọc lớn suy nghĩ của cháu lên càng nhiều càng tốt khi trả lời những câu hỏi này. Tôi sẽ hỏi một số câu truy tiếp để được biết cách suy nghĩ để trả lời của cháu. Cháu hãy nói cho tôi biết khi gặp một câu hỏi không có ý nghĩa hoặc làm cho cháu cảm thấy không thoải mái. Có người được hỏi ít, nhưng cũng có người sẽ được hỏi nhiều. Cuộc phỏng vấn này có thể sẽ kéo dài khoảng 75 phút.

Tự Nguyện Tham Gia

Cháu có thể tự quyết định tham gia hay không tham gia. Nếu cháu quyết định không tham gia, việc này sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ dịch vụ nào mà cháu có thể sẽ sử dụng tại trung tâm y tế này hoặc trong bất kỳ chương trình nào khác. Nếu cháu không muốn trả lời một số câu nào đó mà cháu được hỏi, cũng vẫn được. Nếu cháu quyết định bỏ ngang không trả lời nữa, cũng chẳng sao. Một số câu hỏi có thể sẽ khiến cho cháu cảm thấy không thoải mái hoặc có những cảm xúc khác nhau. Nếu cháu muốn nghỉ một chút vào bất cứ lúc nào, xin nói cho tôi biết.

Lợi Ích

Cháu sẽ không nhận được lợi ích trực tiếp nào. Tuy nhiên, cháu sẽ giúp cho chúng tôi được biết thêm về việc nên thực hiện cuộc Khảo Sát Ý Kiến Bệnh Nhân Của Trung Tâm Y Tế như thế nào. Như chúng tôi đã lưu ý, mục tiêu của cuộc khảo sát ý kiến này là để biết được nhu cầu y tế của người sử dụng các trung tâm y tế như trung tâm y tế này chẳng hạn.

Thù Lao Cho Việc Tham Gia

Nếu tham gia, cháu sẽ được nhận thù lao 50\$ tiền mặt thay cho lời cảm ơn cháu đã dành thời gian cho chúng tôi. Trung bình, cuộc phỏng vấn sẽ mất khoảng 75 phút để hoàn tất.

Các Nguy Cơ Khi Tham Gia Nghiên Cứu

Có hai nguy cơ liên quan đến việc tham gia nghiên cứu. Một là, những câu hỏi của chúng tôi có thể sẽ gây cảm giác không thoải mái hoặc khó chịu cho cháu. Nếu cảm thấy không thoải mái hoặc khó chịu, cháu có thể yêu cầu người phỏng vấn nghỉ một chút hoặc bỏ qua bất kỳ câu hỏi nào. Nguy cơ thứ hai là ai đó có thể sẽ biết được cháu nói với chúng tôi những gì khi phỏng vấn. Để tránh được điều này, chúng tôi sẽ bảo mật cho cuộc phỏng vấn để không ai có thể nghe được câu trả lời của cháu. Chúng tôi cũng sẽ tạo ra và sử dụng một con số thay cho tên của cháu để định danh cuộc phỏng vấn của cháu. Việc này sẽ ngăn không cho bất kỳ ai biết được những câu trả lời của cháu.

Quyền Riêng Tư Của Cháu

Mọi điều cháu nói với tôi sẽ được giữ bí mật. Giữ bí mật các câu trả lời của cháu là việc rất quan trọng, nên tôi xin được nói qua đôi điều về việc này. Bất cứ ai tham gia cuộc nghiên cứu này cũng đã ký một thỏa thuận rằng họ sẽ bảo mật cho thông tin mà cháu cung cấp. Những điều cháu nói với tôi sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ ai tại trung tâm nghiên cứu này. Cha mẹ/người giám hộ của cháu sẽ không được xem những câu cháu trả lời, và chúng tôi cũng không cho họ biết bất kỳ câu trả lời nào của cháu.

Thắc Mắc

Nếu có thắc mắc gì về cuộc nghiên cứu này, cháu có thể gọi cho [XXXXXX] theo số [1(XXX) XXX-XXXX]. Nếu có thắc mắc gì về quyền của cháu với tư cách là người tham gia nghiên cứu, cháu có thể gọi cho Office of Research Protections (Phòng Bảo Vệ Trong Nghiên Cứu) của RTI theo số (1-866-214-2043).

Cháu có câu nào muốn hỏi để có thể giúp quyết định tham gia hay không tham gia cuộc nghiên cứu này không?

Bằng việc ký tên dưới đây, cháu thể hiện sự đồng ý tham gia của cháu. Xin chỉ ký tên khi:

- ✓ Cháu đã hiểu thông tin về cuộc nghiên cứu mô tả trong mẫu thỏa thuận này,
- ✓ Cháu đã được giải đáp đầy đủ cho tất cả các thắc mắc của cháu, và
- ✓ Cháu muốn tham gia.

Cháu sẽ được nhận một bản sao của bản thỏa thuận này để lưu giữ.

Chữ Ký Của Người Tham Gia: _____ **Ngày:** _____

Chữ Ký Của Người Phỏng Vấn: _____ **Ngày:** _____

3. Hand-out

Quý vị nói [XXX] Cần Bệnh Nhân Để Thử Nghiệm Bản Câu Hỏi Khảo Sát Ý Kiến – Thù Lao 50\$!!

RTI International, một tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận, đang muốn tìm những bệnh nhân của trung tâm y tế này để dành ra 75 phút kiểm tra một số các câu hỏi của bản khảo sát ý kiến về y tế bằng [XXX].

- Trẻ chưa thành niên từ 13-17 tuổi
- Cha mẹ của trẻ từ 12 tuổi trở xuống
- Nam và nữ từ 18 tuổi trở lên

Chúng tôi muốn phỏng vấn những người nói [XXX]. Quý vị không thông thạo Tiếng Anh cũng không sao.

Bệnh nhân hội đủ điều kiện có thể tham gia bất kể tình trạng nhập cư của mình như thế nào.

Người tham gia sẽ được nhận **50\$ tiền mặt** thù lao cho **75 phút phỏng vấn trực tiếp**. Tất cả mọi thông tin cung cấp sẽ được giữ bảo mật và không tiết lộ cho trung tâm y tế này.

Xin gọi XXXXXX theo số 1(XXX) XXX-XXXX để tìm hiểu thêm

4. Flyer

Quý vị nói [XXX]?

Cần Bệnh Nhân Để Kiểm Tra Một Số Câu Hỏi Khảo Sát Ý Kiến – Thù Lao 50\$!

RTI International, một tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận, đang muốn tìm những bệnh nhân của trung tâm y tế này để dành ra 75 phút kiểm tra một số các câu hỏi của bản khảo sát ý kiến về y tế bằng [XXX]

- Trẻ chưa thành niên từ 13-17 tuổi
- Cha mẹ của trẻ từ 12 tuổi trở xuống
- Nam và nữ từ 18 tuổi trở lên

Chúng tôi muốn phỏng vấn những người nói [XXX]. Quý vị không thông thạo Tiếng Anh cũng không sao.

Bệnh nhân hội đủ điều kiện có thể tham gia bất kể tình trạng nhập cư của mình như thế nào.

Người tham gia sẽ được nhận **50\$ tiền mặt** thù lao cho **75 phút phỏng vấn trực tiếp**. Tất cả mọi thông tin cung cấp sẽ được bảo mật và không tiết lộ cho trung tâm y tế này.

Xin gọi XXXXXX theo số 1(XXX) XXX-XXXX để tìm hiểu thêm

Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX
Cuộc Khảo Sát Ý Kiến Y Tế Của RTI (Thù Lao 50\$) (XXX) XXX-XXXX

5. Incentive receipt



CASH INCENTIVE RECEIPT

DỰ ÁN RTI số _____ --- _____

MÃ CA BỆNH _____

Để tỏ lòng biết ơn quý vị đã dành thời gian trả lời các câu hỏi của chúng tôi trong cuộc nghiên cứu quan trọng này, chúng tôi được phép trả thù lao cho quý vị 50\$ tiền mặt. Vì chúng tôi rất xem trọng việc duy trì bảo mật thông tin cho quý vị, chúng tôi yêu cầu quý vị không ghi tên họ đầy đủ của mình vào mẫu này. Tuy nhiên, người phỏng vấn phải ký và đề ngày cho mẫu này để xác nhận rằng quý vị đã nhận (hoặc từ chối không nhận) khoản tiền thù lao này.

Đã Nhận 50.00\$ Tiền Thù Lao

Từ Chối 50.00\$ Tiền Thù Lao

Tên Họ Viết Tắt Của Người Nhận (VUI LÒNG KHÔNG KÝ TÊN) _____ Ngày: ___/___/___

Chữ Ký Của Người Phỏng Vấn: _____ MÃ PHỎNG VẤN VIÊN

Xin Giao: Tờ gốc cho RTI cùng với các giấy tờ của ca bệnh, tờ vàng cho người giám sát, tờ màu vàng kim loại cho người tham gia.

6. Questionnaire

(1) Module D: Routine care

COLOR CODE DESCRIPTIONS

Yellow: Items not to be translated. For the most part this are programming instructions or certain interviewer instructions.

Green: These are either reference date or reference health center variable fills and do not need to be translated. The computerized program will automatically place the pertinent information.

Turquoise: These are variable fills that will trigger the system whether the question is being asked about the participant himself/herself or some else (name). If the item “name” is shown on this variable fill item, it will remain in English and will be automatically replaced by the pertinent individual's name by the system. However, the translation around these variable fills need to be adapted for both scenarios.

Pink: If applicable, these are items that have a programming code for either underline or bolding before and after the wording. For example: **@UXXXXX@u**. Please leave those codes as is and translate the wording inside them.

ORIGINAL ENGLISH	TRANSLATION
<p>MODULE D: ROUTINE CARE</p> <p>Next, I'm going to ask you about health services that {you/name} received in the past 12 months.</p> <p>ROU1a. During the past 12 months, that is since {12 MONTH REFERENCE DATE}, {have you/has name} seen or talked to any of the following health care providers about {your own/his/her} health? Please tell me yes or no for each of the following by an optometrist, ophthalmologist, eye doctor, or someone who prescribes eyeglasses?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>MODULE D: ROUTINE CARE</p> <p>Tiếp theo, tôi sẽ hỏi bạn về các dịch vụ y tế mà {bạn/name} đã nhận được trong 12 tháng qua.</p> <p>ROU1a. Trong 12 tháng qua, tức là kể từ {12 MONTH REFERENCE DATE}, {bạn/name} đã thấy hoặc nói chuyện với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nào sau đây về sức khỏe của {chính bạn/anh ấy/cô ấy}? Hãy cho tôi biết có hoặc không đối với một câu hỏi sau đây bởi một kỹ thuật viên đo thị lực, bác sĩ khoa mắt, bác sĩ mắt, hoặc ai đó kê đơn về kính mắt? 1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>ROU1b. (During the past 12 months,</p>	<p>ROU1b. (Trong 12 tháng qua, tức là kể</p>

<p>that is since {12 MONTH REFERENCE DATE}, {have you/has name} seen or talked to any of the following health care providers about {your own/his/her} health? Please tell me yes or no for each of the following...)</p> <p>A-foot doctor?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>từ {12 MONTH REFERENCE DATE}, {bạn/name} đã thấy hoặc nói chuyện với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nào sau đây về sức khỏe của {chính bạn/anh ấy/cô ấy} hay không? Hãy cho tôi biết có hoặc không đối với mỗi câu hỏi sau đây...)</p> <p>Một-bác sĩ chữa chân?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>ROU1c. (During the past 12 months, that is since {12 MONTH REFERENCE DATE}, {have you/has name} seen or talked to any of the following health care providers about {your own/his/her} health? Please tell me yes or no for each of the following...)</p> <p>A chiropractor?</p> <p>IF NEEDED, YOU MAY EXPLAIN: “A chiropractor uses a system of therapy in which disease is considered the result of abnormal function of the nervous system. The method of treatment usually involves manipulation of the spinal column and other body structures.”</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>ROU1c. (Trong 12 tháng qua, tức là kể từ {12 MONTH REFERENCE DATE}, {bạn/name} đã thấy hoặc nói chuyện với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nào về sức khỏe của {chính bạn/anh ấy/cô ấy} hay không? Hãy cho tôi biết có hoặc không đối với mỗi câu hỏi sau đây...)</p> <p>Một bác sỹ nắn xương khớp?</p> <p>IF NEEDED, YOU MAY EXPLAIN: "Một bác sỹ nắn xương khớp sử dụng một hệ thống liệu pháp vật lý mà trong đó bệnh được coi là kết quả của chức năng bất thường của hệ thống thần kinh. Phương pháp điều trị thường bao gồm việc thao tác của cột sống và các kết cấu cơ thể khác".</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>ROU1d. (During the past 12 months, that is since {12 MONTH REFERENCE DATE}, {have you/has name} seen or talked to any of the following health care providers about {your own/his/her} health? Please tell me yes or no for each of the following...)</p> <p>A medical doctor who specializes in a particular medical disease or problem other than obstetrician, gynecologist, psychiatrist, or ophthalmologist</p>	<p>ROU1d. (Trong 12 tháng qua, tức là kể từ {12 MONTH REFERENCE DATE}, {bạn/name} đã thấy hoặc nói chuyện với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nào sau đây về sức khỏe của {chính bạn/anh ấy/cô ấy} hay không? Hãy cho tôi biết có hoặc không đối với mỗi câu hỏi sau đây...)</p> <p>Một bác sĩ nội khoa chuyên về một loại bệnh hoặc vấn đề đặc biệt thuộc nội khoa ngoài bác sĩ khoa sản, thầy thuốc phụ khoa, bác sĩ tâm thần học, hoặc bác sĩ khoa</p>

<p>1=YES 2=NO</p> <p>ROU2. During the past 12 months, how many times {have you/has name} gone to a hospital emergency room about {your own/his/her} health? This includes emergency room visits that resulted in a hospital admission.</p> <p>_____ TIMES [ALLOW 000-365]</p>	<p>mắt</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>ROU2. Trong 12 tháng qua, {bạn/name} đã đến phòng cấp cứu bệnh viện bao nhiêu lần về sức khỏe của {chính bạn/anh ấy/cô ấy}? Việc này bao gồm các lần đến phòng cấp cứu mà đã dẫn đến việc phải nhập viện.</p> <p>_____ TIMES [ALLOW 000-365]</p>
<p>ROU3. (Were you/Was name) ever hospitalized @Uovernight@u in the past 12 months? Do not include an overnight stay in the emergency room.</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK4 IF ROU3 = 1 CONTINUE ELSE GOTO ROU5]</p>	<p>ROU3. (Bạn/Name) có phải nằm viện @Uqua đêm@u trong 12 tháng qua không? Không bao gồm việc ở qua đêm trong phòng cấp cứu.</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK4 IF ROU3 = 1 CONTINUE ELSE GOTO ROU5]</p>
<p>ROU4. Altogether, how many nights {were you/was name} in the hospital during the past 12 months?</p> <p>_____ NIGHTS [ALLOW 000-365]</p>	<p>ROU4. Tổng cộng, {bạn/name} đã ở trong bệnh viện bao nhiêu đêm trong 12 tháng qua?</p> <p>_____ NIGHTS [ALLOW 000-365]</p>
<p>ROU5. During the past 12 months, {have you/has name} had a flu shot? A flu shot is usually given in the fall and protects against influenza for the flu season. The flu shot is injected in the arm. Do not include an influenza vaccine sprayed in the nose.</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>ROU5. Trong 12 tháng qua, {bạn/name} có dùng thuốc chống cúm không? Thuốc chống cúm thường được cung cấp trong mùa thu và bảo vệ chống lại bệnh cúm trong mùa cúm. Thuốc cúm được tiêm vào cánh tay. Không bao gồm vắc-xin bệnh cúm xịt vào mũi.</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>ROU6: During the past 12 months, {have you/has name} had a flu vaccine sprayed in {your/his/her} nose by a doctor or other health</p>	<p>ROU6: Trong 12 tháng qua, {bạn/name} có được xịt vắc-xin cúm vào mũi của {bạn/anh ấy/cô ấy} bởi một bác sĩ hoặc chuyên gia y tế khác</p>

<p>professional? {IF AGE GE 18 ADD: A health professional may have let you spray it.} This vaccine is usually given in the fall and protects against influenza for the flu season.</p> <p>READ IF NECESSARY: This influenza vaccine is called FluMist {trademark}.</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK7 IF ROU6=1 OR ROU5=1, THEN CONTINUE; ELSE GO TO ROUCHK8]</p>	<p>hay không? {IF AGE GE 18 ADD: Một chuyên gia y tế có thể đã để cho bạn xịt.} Vắc-xin này thường được cung cấp trong mùa thu và bảo vệ chống lại bệnh cúm trong mùa cúm.</p> <p>READ IF NECESSARY: Vắc-xin bệnh cúm này được gọi là FluMist {thương hiệu}.</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK7 IF ROU6=1 OR ROU5=1, THEN CONTINUE; ELSE GO TO ROUCHK8]</p>
<p>ROU7. Did {you/name} get the flu shot or vaccine sprayed in the nose at {the reference health center}?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK8 IF AGE GE 65, CONTINUE; ELSE GO TO ROU9a]</p>	<p>ROU7. {bạn/name} có dùng thuốc cúm hoặc cho xịt vắc-xin vào mũi tại {the reference health center} hay không?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK8 IF AGE GE 65, CONTINUE; ELSE GO TO ROU9a]</p>
<p>ROU8. Have you ever had a pneumonia shot? This shot is usually given only once or twice in a person's lifetime and is different from the flu shot. It is also called the pneumococcal vaccine.</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK9 IF ROU8 =1, CONTINUE; ELSE GO TO ROU10]</p>	<p>ROU8. Bạn đã bao giờ dùng thuốc chống viêm phổi chưa? Thuốc này thường chỉ được cấp một hoặc hai lần trong suốt đời một người và khác với thuốc chống cúm. Nó còn được gọi là vắc-xin phế cầu khuẩn.</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK9 IF ROU8 =1, CONTINUE; ELSE GO TO ROU10]</p>
<p>ROU9. Did you get the pneumonia vaccination at {the reference health center}?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>ROU9. Bạn đã được tiêm chủng viêm phổi tại {the reference health center} hay không?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>

<p>ROU9a. [IF AGE = 4 MONTH – 6 YEARS CONTINUE, ELSE GO TO ROU10]</p> <p>Did {name} receive any shots in the last 12 months?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK9b IF ROU9a =1, CONTINUE; ELSE GO TO ROU10]</p>	<p>ROU9a. [IF AGE = 4 MONTH – 6 YEARS CONTINUE, ELSE GO TO ROU10]</p> <p>{name} có nhận được bất kỳ thuốc gì trong 12 tháng qua không?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK9b IF ROU9a =1, CONTINUE; ELSE GO TO ROU10]</p>
<p>ROU9b. How many of the shots {name} received in the past 12 months were provided by {reference health center}? Would you say all, some, or none?</p> <p>1=ALL 2=SOME 3=NONE</p> <p>[ROUCHK9c IF ROU9b =2 OR 3, CONTINUE; ELSE GO TO ROU9d]</p>	<p>ROU9b. {name} đã nhận bao nhiêu thuốc trong 12 tháng qua từ {reference health center}? Bạn sẽ nói tất cả, một số, hay không có?</p> <p>1=TẤT CẢ 2=MỘT SỐ 3=KHÔNG CÓ</p> <p>[ROUCHK9c IF ROU9b =2 OR 3, CONTINUE; ELSE GO TO ROU9d]</p>
<p>ROU9c. Were you referred to the other place where {name} got the shots by {reference health center}?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>ROU9c. Bạn có được tham khảo ở nơi khác, nơi mà {name} đã nhận thuốc từ {reference health center}?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>ROU9d. Are you the person who took {name} for most of {his/her} shots? Most means at least half of the shots.</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK9e IF ROU9d =1, CONTINUE; ELSE GO TO ROU10]</p>	<p>ROU9d. Bạn có phải là người đã đưa {name} đi trong hầu hết những lần lấy thuốc của {anh ấy/cô ấy}? Hầu hết có nghĩa ít nhất là một nửa số thuốc.</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK9e IF ROU9d =1, CONTINUE; ELSE GO TO ROU10]</p>
<p>ROU9e. In your opinion, has {name} received all of the recommended shots for {his/her} age?</p>	<p>ROU9e. Theo bạn, {name} đã nhận tất cả số thuốc được khuyến nghị cho độ tuổi của {anh ấy/cô ấy} hay chưa?</p>

<p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK9f IF ROU9d =2, CONTINUE; ELSE GO TO ROU10]</p>	<p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK9f IF ROU9d =2, CONTINUE; ELSE GO TO ROU10]</p>
<p>ROU9f. Please look at this showcard. What is the main reason {name} has not had all the shots that he/she is supposed to have at his/her age?</p> <p>@BSHOWCARD ROU9f@B</p> <p>1=DID NOT THINK IT WAS IMPORTANT 2=AFRAID OF THE SIDE EFFECTS OF THE IMMUNIZATION 3=CHILD WAS SICK AND COULD NOT HAVE IMMUNIZATIONS AT THAT TIME 4=I DON'T TRUST THE SHOTS/ I DON'T BELIEVE IN SHOTS 5=COULDN'T AFFORD CARE 6=PROBLEMS GETTING TO DOCTOR'S OFFICE 7=DIFFERENT LANGUAGE 8=COULDN'T GET TIME OFF WORK 9=DIDN'T KNOW WHERE TO GO TO GET CARE 10=DIDN'T HAVE TIME OR TOOK TOO LONG 11=OTHER</p>	<p>ROU9f. Hãy nhìn bảng liệt kê này. Đây là lý do chính mà {name} đã không dùng tất cả số thuốc và anh ta/cô ta lẽ ra phải dùng ở độ tuổi của mình?</p> <p>@BSHOWCARD ROU9f@B</p> <p>1=KHÔNG NGHĨ NÓ LÀ QUAN TRỌNG 2=E NGẠI TÁC DỤNG PHỤ CỦA VIỆC TIÊM CHỦNG NGỪA 3=TRẺ BỊ ỐM VÀ KHÔNG THỂ TIÊM CHỦNG NGỪA VÀO LẦN ĐÓ 4=TÔI KHÔNG TIN TƯỞNG THUỐC/TÔI KHÔNG TIN VÀO THUỐC 5=KHÔNG THỂ CHI TRẢ CHO VIỆC CHĂM SÓC 6=CÓ VẤN ĐỀ TRONG VIỆC ĐẾN VĂN PHÒNG CỦA BÁC SĨ 7=NGÔN NGỮ KHÁC BIỆT 8=KHÔNG THỂ NGHỈ VIỆC 9=KHÔNG BIẾT CẦN ĐI ĐÂU ĐỂ ĐƯỢC CHĂM SÓC 10=KHÔNG CÓ THỜI GIAN HOẶC MẤT QUÁ NHIỀU THỜI GIAN 11=KHÁC</p>
<p>ROU10. [IF AGE GE 18, CONTINUE; ELSE GO TO ROUCHK12]</p> <p>These next questions are about general physicals or routine check-ups.</p> <p>About how long has it been since your last general physical exam or routine check-up by a medical doctor or other health professional? Do not include a visit about a specific problem.</p> <p>1=NEVER</p>	<p>ROU10. [IF AGE GE 18, CONTINUE; ELSE GO TO ROUCHK12]</p> <p>Các câu hỏi tiếp theo là về khám sức khỏe chung hoặc khám thường xuyên.</p> <p>Khoảng bao lâu rồi kể từ lần khám sức khỏe chung hoặc kiểm tra định kỳ gần nhất của bạn được thực hiện bởi một bác sĩ nội khoa hoặc chuyên gia y tế khác? Không kể một lần đi khám về một vấn đề cụ thể.</p> <p>1=KHÔNG BAO GIỜ</p>

<p>2=LESS THAN 1 YEAR AGO 3=AT LEAST 1 YR, LESS THAN 2 YEARS 4=AT LEAST 2 YRS, LESS THAN 3 YEARS 5=AT LEAST 3 YRS, LESS THAN 4 YEARS 6=AT LEAST 4 YRS, LESS THAN 5 YEARS 7=5 OR MORE YEARS AGO</p> <p>[ROUCHK11 IF ROU10= 2 OR 3, CONTINUE; ELSE IF ROU10=DK OR RF, GO TO ROUCHK12; ELSE GO TO ROU11a]</p>	<p>2=GẦN 1 NĂM TRƯỚC 3=ÍT NHẤT LÀ 1 NĂM, CHƯA ĐẾN 2 NĂM 4=ÍT NHẤT LÀ 2 NĂM, CHƯA ĐẾN 3 NĂM 5=ÍT NHẤT LÀ 3 NĂM, CHƯA ĐẾN 4 NĂM 6=ÍT NHẤT LÀ 4 NĂM, CHƯA ĐẾN 5 NĂM 7=5 HOẶC NHIỀU NĂM TRƯỚC</p> <p>[ROUCHK11 IF ROU10= 2 OR 3, CONTINUE; ELSE IF ROU10=DK OR RF, GO TO ROUCHK12; ELSE GO TO ROU11a]</p>
<p>ROU11. Did you get this check-up at {the reference health center}?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK11a GO TO ROUCHK12]</p>	<p>ROU11. Có phải bạn đã khám sức khỏe thể này tại {the reference health center} hay không?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK11a GO TO ROUCHK12]</p>

<p>ROU11a. Please look at this showcard. What is the main reason you have not had a general physical exam or routine check-up in the past 2 years?</p> <p>@BSHOWCARD MED1@B</p> <p>1=COULD NOT AFFORD CARE 2=INSURANCE COMPANY WOULDN'T APPROVE, COVER, OR PAY FOR CARE 3=DOCTOR REFUSED TO ACCEPT FAMILY'S INSURANCE PLAN 4=PROBLEMS GETTING TO DOCTOR'S OFFICE 5=DIFFERENT LANGUAGE 6=COULDN'T GET TIME OFF WORK 7=DIDN'T KNOW WHERE TO GO TO GET CARE 8=WAS REFUSED SERVICES 9=COULDN'T GET CHILD CARE 10=DIDN'T HAVE TIME OR TOOK TOO LONG 11=OTHER</p> <p>[ROUCHK12 IF AGE <18, THEN CONTINUE; ELSE, GO TO ROU14]</p>	<p>ROU11a. Hãy nhìn bảng liệt kê này. Đầu là lý do chính cho việc bạn đã không đi khám sức khỏe chung hoặc khám định kỳ trong 2 năm qua?</p> <p>@BSHOWCARD MED1@B</p> <p>1=KHÔNG THỂ CHI TRẢ CHO VIỆC CHĂM SÓC 2=CÔNG TY BẢO HIỂM SẼ KHÔNG PHÊ DUYỆT, BẢO HIỂM HOẶC THANH TOÁN CHO VIỆC CHĂM SÓC SỨC KHỎE 3=BÁC SĨ ĐÃ TỪ CHỐI CHẤP NHẬN KẾ HOẠCH BẢO HIỂM CỦA GIA ĐÌNH 4=CÓ VẤN ĐỀ TRONG VIỆC ĐẾN VĂN PHÒNG CỦA BÁC SĨ 5=NGÔN NGỮ KHÁC BIỆT 6=KHÔNG THỂ NGHỈ VIỆC 7=KHÔNG BIẾT CẦN ĐI ĐÂU ĐỂ ĐƯỢC CHĂM SÓC 8=BỊ TỪ CHỐI BỞI CÁC DỊCH VỤ 9=KHÔNG THỂ NHẬN VIỆC CHĂM SÓC CHO TRẺ EM 10=KHÔNG CÓ THỜI GIAN HOẶC MẤT QUÁ NHIỀU THỜI GIAN 11=KHÁC</p> <p>[ROUCHK12 IF AGE <18, THEN CONTINUE; ELSE, GO TO ROU14]</p>
<p>ROU12. These next questions are about well-child check-ups, that is a general check-up, performed when {you were/name was} not sick or injured. About how long has it been since {you/he/she} received a well-child or general check-up?</p> <p>1=NEVER 2=LESS THAN 1 YEAR AGO 3=AT LEAST 1 YR, LESS THAN 2 YEARS 4=AT LEAST 2 YRS, LESS THAN 3 YEARS 5=AT LEAST 3 YRS, LESS THAN 4 YEARS</p>	<p>ROU12. Các câu hỏi tiếp theo là về việc khám cho trẻ khỏe mạnh, đó là khám sức khỏe chung, được tiến hành khi {bạn/name} không bị ốm hoặc bị thương. Đã khoảng bao lâu rồi từ khi {bạn/anh ấy/cô ấy} nhận được việc khám sức khỏe chung hoặc cho trẻ khỏe mạnh?</p> <p>1=KHÔNG BAO GIỜ 2=GẦN 1 NĂM TRƯỚC 3=ÍT NHẤT LÀ 1 NĂM, CHƯA ĐẾN 2 NĂM 4=ÍT NHẤT LÀ 2 NĂM, CHƯA ĐẾN 3 NĂM 5=ÍT NHẤT LÀ 3 NĂM, CHƯA ĐẾN 4</p>

<p>6=AT LEAST 4 YRS, LESS THAN 5 YEARS 7=5 OR MORE YEARS AGO</p> <p>[ROUCHK13 IF ROU12=2 OR 3, CONTINUE; ELSE IF ROU12=DK OR RF, GO TO ROU14 ELSE GO TO ROU13a]</p>	<p>NĂM 6=ÍT NHẤT LÀ 4 NĂM, CHƯA ĐẾN 5 NĂM 7=5 NĂM TRƯỚC ĐÂY HOẶC NHIỀU HƠN</p> <p>[ROUCHK13 IF ROU12=2 OR 3, CONTINUE; ELSE IF ROU12=DK OR RF, GO TO ROU14 ELSE GO TO ROU13a]</p>
<p>ROU13. Did {you/he/she} get this check-up at {the reference health center}?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK13a GO TO ROU14]</p>	<p>ROU13. {bạn/anh ấy/cô ấy} có khám sức khỏe thể này tại {the reference health center} hay không?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK13a GO TO ROU14]</p>

<p>ROU13a. Please look at this showcard. What is the main reason {you/name} has not had a general physical exam or routine check-up in the past 2 years?</p> <p>@BSHOWCARD MED1@B</p> <p>1=COULD NOT AFFORD CARE 2=INSURANCE COMPANY WOULDN'T APPROVE, COVER, OR PAY FOR CARE 3=DOCTOR REFUSED TO ACCEPT FAMILY'S INSURANCE PLAN 4=PROBLEMS GETTING TO DOCTOR'S OFFICE 5=DIFFERENT LANGUAGE 6=COULDN'T GET TIME OFF WORK 7=DIDN'T KNOW WHERE TO GO TO GET CARE 8=WAS REFUSED SERVICES 9=COULDN'T GET CHILD CARE 10=DIDN'T HAVE TIME OR TOOK TOO LONG 11=OTHER</p>	<p>ROU13a. Hãy nhìn bảng liệt kê này. Đầu là lý do chính cho việc {bạn/name} đã không đi khám sức khỏe chung hoặc khám định kỳ trong 2 năm qua?</p> <p>@BSHOWCARD MED1@B</p> <p>1=KHÔNG THỂ CHI TRẢ CHO VIỆC CHĂM SÓC 2=CÔNG TY BẢO HIỂM SẼ KHÔNG PHÊ DUYỆT, BẢO HIỂM HOẶC THANH TOÁN CHO VIỆC CHĂM SÓC SỨC KHỎE 3=BÁC SĨ ĐÃ TỪ CHỐI CHẤP NHẬN KẾ HOẠCH BẢO HIỂM CỦA GIA ĐÌNH 4=CÓ VẤN ĐỀ TRONG VIỆC ĐẾN VĂN PHÒNG CỦA BÁC SĨ 5=NGÔN NGỮ KHÁC BIỆT 6=KHÔNG THỂ NGHỈ VIỆC 7=KHÔNG BIẾT CẦN ĐI ĐÂU ĐỂ ĐƯỢC CHĂM SÓC 8=BỊ TỪ CHỐI BỞI CÁC DỊCH VỤ 9=KHÔNG THỂ NHẬN VIỆC CHĂM SÓC CHO TRẺ EM 10=KHÔNG CÓ THỜI GIAN HOẶC MẤT QUÁ NHIỀU THỜI GIAN 11=KHÁC</p>
<p>LEAD SCREENING</p> <p>ROU14. [IF AGE 9 MONTHS - 5 YEARS CONTINUE, ELSE GO TO MODULE E]</p> <p>Has {name} ever had a blood test to check the amount of lead in {his/her} blood?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[ROUCHK15 IF ROU14=1, CONTINUE; ELSE GO TO ROU17]</p>	<p>LEAD SCREENING</p> <p>ROU14. [IF AGE 9 MONTHS - 5 YEARS CONTINUE, ELSE GO TO MODULE E]</p> <p>{name} đã bao giờ đi thử máu để kiểm tra lượng chì trong máu của {anh ấy/cô ấy} chưa?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[ROUCHK15 IF ROU14=1, CONTINUE; ELSE GO TO ROU17]</p>
<p>ROU15. How old was {name} the last</p>	<p>ROU15. {name} bao nhiêu tuổi ở lần</p>

<p>time this test was done?</p> <p>AGE [ALLOW 00-12] PROGRAMMER: NEED AGE CHECK SO AGE REPORTED IS NOT HIGHER THAN ACTUAL AGE REPORTED EARLIER IN THE INTERVIEW.</p> <p>.....</p> <p>ROU16. Was that done at the {reference health center}?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>cuối thực hiện khám này?</p> <p>AGE [ALLOW 00-12] PROGRAMMER: NEED AGE CHECK SO AGE REPORTED IS NOT HIGHER THAN ACTUAL AGE REPORTED EARLIER IN THE INTERVIEW.</p> <p>.....</p> <p>ROU16. Có phải việc đó đã được thực hiện tại {reference health center} hay không?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>ROU17. Has anyone ever talked to you about things that might cause {name} to be exposed to lead, such as living in or visiting a house or apartment built before 1978?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>ROU17. Đã bao giờ có ai nói với bạn về những thứ có thể khiến {name} bị phơi nhiễm chì, chẳng hạn như sống tại hoặc đến thăm một ngôi nhà hoặc căn hộ được xây dựng trước năm 1978 hay không?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>

COLOR CODE DESCRIPTIONS

Yellow: Items not to be translated. For the most part this are programming instructions or certain interviewer instructions.

Green: These are either reference date or reference health center variable fills and do not need to be translated. The computerized program will automatically place the pertinent information.

Turquoise: These are variable fills that will trigger the system whether the question is being asked about the participant himself/herself or some else (name). If the item “name” is shown on this variable fill item, it will remain in English and will be automatically replaced by the pertinent individual's name by the system. However, the translation around these variable fills need to be adapted for both scenarios.

Pink: If applicable, these are items that have a programming code for either underline or bolding before and after the wording. For example: @UXXXXXX@u. Please leave those codes as is and translate the wording inside them.

ORIGINAL ENGLISH	TRANSLATION
<p>MODULE J: DENTAL</p> <p>[DENCHK1 IF AGE GE 2, THEN CONTINUE; ELSE GO TO MODULE K]</p> <p>The next questions are about dental care.</p> <p>DEN1. In the last 12 months, that is since {12 MONTH REFERENCE DATE}, did you or a dentist believe {you/name} needed any dental care, tests, or treatment?</p> <p>NOTE: CODE YES IF A DOCTOR BELIEVED DENTAL CARE WAS NECESSARY</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[DENCHK2 IF DEN1=1, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DEN10]</p>	<p>MODULE J: DENTAL</p> <p>[DENCHK1 IF AGE GE 2, THEN CONTINUE; ELSE GO TO MODULE K]</p> <p>Các câu hỏi tiếp theo là về chăm sóc răng.</p> <p>DEN1. Trong 12 tháng qua, tức là kể từ {12 MONTH REFERENCE DATE}, bạn hoặc một nha sĩ có tin rằng {bạn/name} cần được chăm sóc, khám hoặc chữa trị răng không?</p> <p>NOTE: MÃ CÓ NẾU MỘT BÁC SĨ TIN RẰNG CẦN PHẢI CHĂM SÓC RĂNG</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[DENCHK2 IF DEN1=1, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DEN10]</p>

<p>DEN2. In the last 12 months, {were you/was name} unable to get dental care, tests, or treatments you or a dentist believed necessary?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[DENCHK3 IF DEN2=1, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DEN6]</p>	<p>DEN2. Trong 12 tháng qua, có phải {bạn/name} không thể có được sự chăm sóc, khám hoặc chữa trị răng mà bạn hoặc một nha sĩ tin rằng điều đó là cần thiết?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[DENCHK3 IF DEN2=1, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DEN6]</p>
<p>DEN3. What kind of dental care, test, or treatment was it that {you/name} needed but did not get? _____ [ALLOW 40]</p>	<p>DEN3. Loại chăm sóc, khám hoặc chữa trị răng nào mà {bạn/name} cần nhưng đã không nhận được? _____ [ALLOW 40]</p>

DEN4. Please look at this showcard.
Please describe the main reason **{you were/name was}** unable to get dental care, tests, or treatments you or a dentist believed necessary?

@BSHOWCARD MED2@B

- 1=COULD NOT AFFORD CARE
- 2=INSURANCE COMPANY WOULDN'T APPROVE, COVER, OR PAY FOR CARE
- 3=DENTIST REFUSED TO ACCEPT FAMILY'S INSURANCE PLAN
- 4=PROBLEMS GETTING TO DENTIST'S OFFICE / TRANSPORTATION
- 5=DIFFERENT LANGUAGE
- 6=COULDN'T GET TIME OFF WORK
- 7=DIDN'T KNOW WHERE TO GO TO GET CARE
- 8=WAS REFUSED SERVICES
- 9=COULDN'T GET CHILD CARE
- 10=DIDN'T HAVE TIME OR TOOK TOO LONG
- 11=AFRAID OF GOING TO THE DENTIST/ HAVING DENTAL WORK DONE
- 12=OTHER

DEN4. Hãy nhìn bảng liệt kê này.
Hãy mô tả lý do chính mà **{bạn/name}** không thể có được sự chăm sóc, khám hoặc chữa trị mà bạn hoặc một nha sĩ tin rằng điều đó là cần thiết?

@BSHOWCARD MED2@B

- 1=KHÔNG THỂ CHI TRẢ CHO VIỆC CHĂM SÓC
- 2=CÔNG TY BẢO HIỂM SẼ KHÔNG PHÊ DUYỆT, BẢO HIỂM HOẶC THANH TOÁN CHO VIỆC CHĂM SÓC SỨC KHỎE
- 3=NHA SĨ ĐÃ TỪ CHỐI CHẤP NHẬN KẾ HOẠCH BẢO HIỂM CỦA GIA ĐÌNH
- 4=CÓ VẤN ĐỀ TRONG VIỆC ĐẾN VĂN PHÒNG CỦA NHA SĨ/VIỆC ĐI LẠI
- 5=NGÔN NGỮ KHÁC BIỆT
- 6=KHÔNG THỂ NGHỈ VIỆC
- 7=KHÔNG BIẾT CẦN ĐI ĐÂU ĐỂ ĐƯỢC CHĂM SÓC
- 8=BỊ TỪ CHỐI BỞI CÁC DỊCH VỤ
- 9=KHÔNG THỂ NHẬN VIỆC CHĂM SÓC CHO TRẺ EM
- 10=KHÔNG CÓ THỜI GIAN HOẶC MẤT QUÁ NHIỀU THỜI GIAN
- 11=LO NGẠI VỀ VIỆC ĐI GẶP NHA SĨ/THỰC HIỆN VIỆC CHĂM SÓC RĂNG
- 12=KHÁC

DEN5. How much of a problem was it that **{you/name}** did not get dental care, tests, or treatments you or a dentist believed necessary? Would you say that it was a...

- 1=A big problem,
- 2=A small problem
- 3=Not a problem

DEN5. Một vấn đề quan trọng mức nào mà **{bạn/name}** đã không có được sự chăm sóc, khám hoặc chữa trị mà bạn hoặc một nha sĩ tin rằng điều đó là cần thiết? Bạn sẽ nói rằng đó là...

- 1=Một vấn đề lớn,
- 2=Một vấn đề nhỏ
- 3=Không thành vấn đề

<p>DEN6. In the last 12 months, {were you/was name} delayed in getting dental care, tests, or treatments you or a dentist believed necessary?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[DENCHK7 IF DEN6=1, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DEN10]</p>	<p>DEN6. Trong 12 tháng qua, có phải {bạn/name} đã trì hoãn việc có được sự chăm sóc, khám hoặc chữa trị mà bạn hoặc một nha sĩ tin rằng điều đó là cần thiết?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[DENCHK7 IF DEN6=1, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DEN10]</p>
<p>DEN7. What kind of dental care, test, or treatment was it that {you were/name was} delayed in getting?</p> <p>_____ (allow 40)</p>	<p>DEN7. Loại chăm sóc, khám hoặc chữa trị răng nào mà {bạn/name} đã từ chối nhận?</p> <p>_____ (allow 40)</p>
<p>DEN8. Please look at this showcard. Which of these best describes the main reason {you were/name was} delayed in getting dental care, tests, or treatments you or a dentist believed necessary?</p> <p>@BSHOWCARD MED2@B</p> <p>1=COULD NOT AFFORD CARE 2=INSURANCE COMPANY WOULDN'T APPROVE, COVER, OR PAY FOR CARE 3=DOCTOR REFUSED TO ACCEPT FAMILY'S INSURANCE PLAN 4=PROBLEMS GETTING TO DOCTOR'S OFFICE / TRANSPORTATION 5=DIFFERENT LANGUAGE 6=COULDN'T GET TIME OFF WORK 7=DIDN'T KNOW WHERE TO GO TO GET CARE 8=WAS REFUSED SERVICES 9=COULDN'T GET CHILD CARE 10=DIDN'T HAVE TIME OR TOOK TOO LONG 11=AFRAID OF GOING TO THE DENTIST/ HAVING DENTAL WORK DONE 12=OTHER</p>	<p>DEN8. Hãy nhìn bảng liệt kê này. Số nào mô tả đúng nhất lý do chính mà {bạn/name} đã trì hoãn việc nhận được sự chăm sóc, khám hoặc chữa trị mà bạn hoặc một nha sĩ tin rằng điều đó là cần thiết?</p> <p>@BSHOWCARD MED2@B</p> <p>1=KHÔNG THỂ CHI TRẢ CHO VIỆC CHĂM SÓC 2=CÔNG TY BẢO HIỂM SẼ KHÔNG PHÊ DUYỆT, BẢO HIỂM HOẶC THANH TOÁN CHO VIỆC CHĂM SÓC SỨC KHỎE 3=BÁC SĨ ĐÃ TỪ CHỐI CHẤP NHẬN KẾ HOẠCH BẢO HIỂM CỦA GIA ĐÌNH 4=CÓ VẤN ĐỀ TRONG VIỆC ĐẾN VĂN PHÒNG CỦA BÁC SĨ/VIỆC ĐI LẠI 5=NGÔN NGỮ KHÁC BIỆT 6=KHÔNG THỂ NGHỈ VIỆC 7=KHÔNG BIẾT CẦN ĐI ĐÂU ĐỂ ĐƯỢC CHĂM SÓC 8=BỊ TỪ CHỐI BỞI CÁC DỊCH VỤ 9=KHÔNG THỂ NHẬN VIỆC CHĂM SÓC CHO TRẺ EM 10=KHÔNG CÓ THỜI GIAN HOẶC MẤT QUÁ NHIỀU THỜI GIAN</p>

	<p>11=LO NGẠI VỀ VIỆC ĐI GẶP NHA SĨ/THỰC HIỆN VIỆC CHĂM SÓC RĂNG 12=KHÁC</p>
<p>DEN9. How much of a problem was it that {you were/name was} <u>delayed</u> in getting dental care you or a dentist believed necessary? Would you say that it was a...</p> <p>1=A big problem, 2=A small problem 3=Not a problem</p>	<p>DEN9. Một vấn quan trọng đến mức nào mà {bạn/name} <u>đã trì hoãn</u> nhận được sự chăm sóc, khám hoặc chữa trị mà bạn hoặc một nha sĩ tin rằng điều đó là cần thiết? Bạn sẽ nói rằng đó là...</p> <p>1=Một vấn đề lớn, 2=Một vấn đề nhỏ 3=Không thành vấn đề</p>
<p>DEN10. About how long has it been since {you/name} last visited a dentist? Include all types of dentists, such as, orthodontists, oral surgeons, and all other dental specialists, as well as dental hygienists.</p> <p>1=6 MONTHS OR LESS 2=MORE THAN 6 MONTHS, BUT NOT MORE THAN 1 YEAR AGO 3=MORE THAN 1 YEAR, BUT NOT MORE THAN 2 YEARS AGO 4=MORE THAN 2 YEARS, BUT NOT MORE THAN 5 YEARS AGO 5=MORE THAN 5 YEARS AGO 99=NEVER HAVE BEEN</p> <p>[DENCHK11 If DEN10=1 or 2, CONTINUE; ELSE GO TO DEN14]</p>	<p>DEN10. Lần gần đây nhất {bạn/name} ghé thăm một nha sĩ là bao lâu rồi? Bao gồm tất cả các loại nha sĩ, chẳng hạn các bác sĩ chỉnh răng, bác sĩ phẫu thuật miệng, và tất cả các chuyên gia về răng khác cũng như các chuyên gia vệ sinh sạch răng.</p> <p>1=6 THÁNG HOẶC ÍT HƠN 2=HƠN 6 THÁNG NHƯNG KHÔNG ĐẾN 1 NĂM TRƯỚC 3=HƠN 1 NĂM, NHƯNG ÍT HƠN 2 NĂM TRƯỚC 4=HƠN 2 NĂM NHƯNG KHÔNG ĐẾN 5 NĂM TRƯỚC 5=HƠN 5 NĂM TRƯỚC 99=CHƯA BAO GIỜ</p> <p>[DENCHK11 If DEN10=1 or 2, CONTINUE; ELSE GO TO DEN14]</p>
<p>DEN11. In the past 12 months, when {you/name} did see a dentist, how many of {your/his/her} visits were at {the reference health center}? Would you say...</p> <p>1=All of the visits 2=Some of the visits 3=None of the visits</p>	<p>DEN11. Trong 12 tháng trước, {bạn/name} có đi gặp một nha sĩ nào không, bao nhiêu lần {của bạn/của anh ấy/của cô ấy} đến gặp là ở tại {the reference health center}? Bạn sẽ nói...</p> <p>1=Tất cả những lần đến thăm 2=Một số những lần đến thăm 3=Không lần nào</p>

<p>[DENCHK12 If DEN11=1 or 2, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DENCHK13]</p>	<p>[DENCHK12 If DEN11=1 or 2, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DENCHK13]</p>
<p>DEN12. How would you rate the dental services {you/name} received at {the reference health center}? Would you say...</p> <p>1=Excellent 2=Very Good 3=Good 4=Fair 5=Poor</p> <p>[DENCHK13 If DEN11= 2 OR 3, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DEN14]</p>	<p>DEN12. Bạn sẽ đánh giá như thế nào về các dịch vụ chăm sóc răng mà {bạn/name} đã nhận tại {the reference health center}? Bạn sẽ nói...</p> <p>1=Xuất sắc 2=Rất tốt 3=Tốt 4=Được 5=Kém</p> <p>[DENCHK13 If DEN11= 2 OR 3, THEN CONTINUE; ELSE GO TO DEN14]</p>
<p>DEN13 Were you referred to the other place where {you/name} got dental services by {reference health center}?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[DENCHK14 IF AGE LE11 GOTO DEN16a]</p>	<p>DEN13 Bạn có được tham khảo ở nơi khác, nơi mà {bạn/name} đã nhận các dịch vụ về răng được cung cấp bởi {reference health center}?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[DENCHK14 IF AGE LE11 GOTO DEN16a]</p>
<p>Now, I have some questions about the condition of {your/name's} teeth and gums.</p> <p>DEN14. The following question asks about the number of adult teeth you have lost. Do not count as "lost" missing wisdom teeth, "baby" teeth, or teeth which were pulled for orthodontia. Have you lost...</p> <p>IF ASKED: Orthodontia means straightening the teeth.</p> <p>1=All of your adult teeth 2=Some of your adult teeth 3=None of your adult teeth</p>	<p>Giờ, tôi có vài câu hỏi về điều kiện của răng và lợi của {bạn/name}.</p> <p>DEN14. Câu hỏi sau đây hỏi về số lượng răng trưởng thành mà bạn đã mất. Không tính là "mất" đối với các răng khôn bị thiếu, các răng "sữa", hoặc răng đã được nhổ để chỉnh sửa răng. Bạn đã mất...</p> <p>IF ASKED: Việc chỉnh sửa răng có nghĩa là làm thẳng răng.</p> <p>1=Tất cả các răng trưởng thành của bạn 2=Một số răng trưởng thành của bạn 3=Không trong số các răng trưởng thành của bạn</p>

<p>[DENCHK15 .IF DEN14=1, GO TO DENT15a; IF DEN14=2, CONTINUE; ELSE IF DEN12=3, DK, RE, GO TO DENCHK16a]</p>	<p>[DENCHK15 .IF DEN14=1, GO TO DENT15a; IF DEN14=2, CONTINUE; ELSE IF DEN12=3, DK, RE, GO TO DENCHK16a]</p>
<p>DEN15. How many of your adult teeth have you lost?</p> <p>_____ TEETH [ALLOW 00-20]</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>DEN15a. Are any of your missing teeth replaced by full or partial dentures, false teeth, bridges or dental plates?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[DENCHK16a DEN14=2, 3, DK, or RE CONTINUE; ELSE GO TO DEN16b]</p>	<p>DEN15. Bạn đã mất bao nhiêu răng trưởng thành rồi?</p> <p>_____ RĂNG [ALLOW 00-20]</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>DEN15a. Có răng nào đã mất của bạn được thay thế bởi các bộ răng giả, răng giả, cầu hoặc các mảng bám răng không?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[DENCHK16a DEN14=2, 3, DK, or RE CONTINUE; ELSE GO TO DEN16b]</p>
<p>qDEN16a. How would you describe the condition of {your/name's} teeth? Would you say...</p> <p>1=Excellent 2=Very Good 3=Good 4=Fair 5=Poor</p> <p>[DENCHK16a_POST GO TO DEN17a]</p>	<p>DEN16a. Bạn mô tả thế nào về điều kiện răng của {bạn/name}? Bạn sẽ nói...</p> <p>1=Xuất sắc 2=Rất tốt 3=Tốt 4=Được 5=Kém</p> <p>[DENCHK16a_POST GO TO DEN17a]</p>

<p>DEN16b Now I have some questions about the condition of {your/name's} gums and false teeth or dentures. Would you say the condition of {your/name's} gums and false teeth or dentures is...</p> <p>1=Excellent 2=Very Good 3=Good 4=Fair 5=Poor</p> <p>DEN17a. During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems?</p>	<p>DEN16b Giờ tôi có vài câu hỏi về điều kiện của lợi và răng giả hoặc bộ răng giả của {bạn/name}. Bạn sẽ nói về điều kiện của lợi và răng giả hoặc bộ răng giả của {bạn/name} là...</p> <p>1=Xuất sắc 2=Rất tốt 3=Tốt 4=Được 5=Kém</p> <p>DEN17a. Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây không?</p>
<p>A toothache or sensitive teeth?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>Bị đau răng hoặc có các răng nhạy cảm?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN17b. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems?)</p> <p>Bleeding gums?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN17b. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây không?)</p> <p>Lợi chảy máu?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN17c. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems?)</p> <p>Crooked teeth?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN17c. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây không?)</p> <p>Răng cong?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN17e. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems?)</p> <p>Broken or missing teeth?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN17e. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây không?)</p> <p>Răng mẻ hoặc thiếu?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>

<p>DEN17f. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems?)</p> <p>Stained or discolored teeth?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN17f. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây không?)</p> <p>Răng xỉn màu hoặc bị biến màu?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN17g. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems?)</p> <p>Broken or missing fillings?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN17g. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây không?)</p> <p>Vết hàn răng bị mẻ hoặc mất?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN17h. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems?)</p> <p>{[IF AGE GREATER THAN 11, FILL:] Loose teeth not due to injury? [IF AGE LE11:] Loose teeth not due to injury or losing baby teeth?}</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN17h. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây không?)</p> <p>{[IF AGE GREATER THAN 11, FILL:] Răng lung lay không do chấn thương? [IF AGE LE11:] Răng lung lay không do chấn thương hoặc mất răng sữa?}</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN18a. During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems that lasted more than a day?</p> <p>Pain in {your/his/her} jaw joint?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN18a. Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây mà đã kéo dài hơn 1 ngày không?</p> <p>Đau ở khớp hàm của {bạn/anh ấy/cô ấy}?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN18b. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems that lasted more than a day?)</p> <p>Sores in {your/his/her} mouth?</p>	<p>DEN18b. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây mà đã kéo dài hơn 1 ngày không?)</p> <p>Đau ở miệng của {bạn/anh ấy/cô ấy}?</p>

<p>1=YES 2=NO</p>	<p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN18c. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems that lasted more than a day?)</p> <p>Difficulty eating or chewing?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN18c. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây mà đã kéo dài hơn 1 ngày không?)</p> <p>Khó ăn hoặc nhai?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN18d. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems that lasted more than a day?)</p> <p>Bad breath?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN18d. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây mà đã kéo dài hơn 1 ngày không?)</p> <p>Hôi miệng?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN18f. (During the past 6 months, {have you/has name} had any of the following problems that lasted more than a day?)</p> <p>Dry mouth?</p> <p>1=YES 2=NO</p> <p>[DENCHK19 IF DEN17a-h=1 or DEN18a-f=1, CONTINUE; ELSE GO TO MODULE K]</p>	<p>DEN18f. (Trong 6 tháng qua, {bạn/name} có gặp bất kỳ vấn đề nào sau đây mà đã kéo dài hơn 1 ngày không?)</p> <p>Miệng khô?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p> <p>[DENCHK19 IF DEN17a-h=1 or DEN18a-f=1, CONTINUE; ELSE GO TO MODULE K]</p>

<p>DEN19a. Did the problems with {your/name's} mouth or teeth interfere with any of the following?</p> <p>job or school?</p> <p>1=YES 2=NO 3= NOT WORKING / NOT AT SCHOOL</p>	<p>DEN19a. Các vấn đề về răng miệng của {bạn/name} có gây trở ngại đến bất kỳ điều nào sau đây không?</p> <p>công việc hoặc học hành?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG 3= KHÔNG ĐI LÀM/KHÔNG ĐI HỌC</p>
<p>DEN19b. (Did the problems with {your/name's} mouth or teeth interfere with any of the following?)</p> <p>sleeping?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN19b. (Các vấn đề về răng miệng của {bạn/name} có gây trở ngại đến bất kỳ điều nào sau đây không?)</p> <p>ngủ?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN19c. (Did the problems with {your/name's} mouth or teeth interfere with any of the following?)</p> <p>social activities such as going out or being with other people?</p> <p>1=YES 2=NO</p>	<p>DEN19c. (Các vấn đề về răng miệng của {bạn/name} có gây trở ngại đến bất kỳ điều nào sau đây không?)</p> <p>các hoạt động xã hội chẳng hạn đi chơi hoặc ở với những người khác?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG</p>
<p>DEN19d. (Did the problems with {your/name's} mouth or teeth interfere with any of the following?)</p> <p>usual activities at home?</p> <p>1=YES 2=NO 3= DON'T HAVE A HOME</p>	<p>DEN19d. (Các vấn đề về răng miệng của {bạn/name} có gây trở ngại đến bất kỳ điều nào sau đây không?)</p> <p>các hoạt động thông thường ở nhà?</p> <p>1=CÓ 2=KHÔNG 3= KHÔNG CÓ NHÀ</p>

7. Cognitive Interview Screening Form

Health Center Patient Survey
Cognitive Interview Screening Form
Chinese/Korean/Vietnamese speakers only

INTERVIEWER:

- **PATIENTS 18 YEARS OF AGE AND OLDER CAN BE APPROACHED DIRECTLY.**
- **PATIENTS 13-17 YEARS OF AGE, A PARENT/GUARDIAN NEEDS TO BE READ THE INTRO AND CHILD CAN COMPLETE THE SCREENING QUESTIONS WITH PARENT'S APPROVAL.**
- **PATIENTS 12 YEARS OF AGE AND YOUNGER, ONLY PARENTS CAN BE SCREENED.**

Hello, this is [NAME] from RTI International. (Were you calling about the [ad/flyer]?)

PS1. First, just let me verify: Are you 18 or older? YES _____ (GO TO PS2)
NO _____ (GO TO PS3)

PS2. Are you calling on behalf of a child who is less than 13 years old?: YES _____ (GO TO PS4)
NO _____ (GO TO INTRO ADULT)

PS3. Are you between 13 and 17 years of age? YES _____ (ASK TO TALK TO PARENT/GUARDIAN AND GO TO INTRO PROXY 13-17 YEARS OLD)
NO _____ (IF YOUNGER THAN 13, ASK TO TALK TO PARENT/GUARDIAN AND START WITH QUESTION PS1)

PS4. Are you this child's parent or legal guardian? YES _____ (GO TO INTRO PROXY LESS THAN 13 YEARS OLD)
NO _____ (R NOT ELIGIBLE – THANK R AND END)

INTRO ADULT

Let me tell you a little about the study. We are testing a questionnaire about health care received by patients of health centers. This questionnaire will eventually be provided to patients across the country. We are testing these survey questions with different people to see how well the questions work. We want to know: Do they make sense? How easy or difficult are they to answer? We want to understand what you think each question means and how you arrive at your answers. This will help us find out whether there are any problems with the questionnaire. Your feedback will help us during the development of the survey questionnaire. There are no right or wrong answers. We will not ask about your legal situation nor your immigration status.

If you are interested and eligible, we would like to schedule an in-person interview, which will take about 75 minutes. At the end of the interview you will receive \$50 in cash. To make sure (you are eligible for the study, I need to ask you a few brief screening questions. This will only a few minutes. Is this a good time?

INTRO PROXY (13-17 YEARS OLD)

Let me tell you a little about the study. We are testing a questionnaire about health care received by patients of health centers. This questionnaire will eventually be provided to patients across the country. We are testing these survey questions with different people to see how well the questions work. We want to know: Do they make sense? How easy or difficult are they to answer? We want to understand what your child thinks each question means and how he/she arrives at his/her answers. This will help us find out whether there are any problems with the questionnaire. There are no right or wrong answers. We will not ask about his/her legal situation nor your immigration status.

If your child is interested and he/she is eligible, we would like to schedule an in-person interview, which will take about 75 minutes. At the end of the interview your child will receive \$50 in cash. To make sure he/she is eligible for the study, I need to ask him/her a few brief screening questions. Or, you can answer on his/her behalf. This will only a few minutes. Is this a good time?

INTRO PROXY (LESS THAN 13 YEARS OLD)

Let me tell you a little about the study. We are testing a questionnaire about health care received by patients of health centers. This questionnaire will eventually be provided to patients across the country. We are testing these survey questions with different people to see how well the questions work. We want to know: Do they make sense? How easy or difficult are they to answer? We want to understand what you think each question means and how you arrive at your answers. This will help us find out whether there are any problems with the questionnaire. Because your child is less than 13 years old, we would like to ask you to answer questions and get your feedback, which will help us during the development of the survey questionnaire. There are no right or wrong answers. We will not ask about your legal situation nor your immigration status.

If you are interested and you are eligible, we would like to schedule an in-person interview, which will take about 75 minutes. At the end of the interview you will receive \$50 in cash. To make sure you are eligible for the study, I need to ask you a few brief screening questions. This will only a few minutes. Is this a good time?

INTERVIEWER:

FOR ADULTS THE SCREENING QUESTIONS WILL BE ABOUT THEMSELVES.

FOR PARENTS/GUARDIANS OF CHILDREN LESS THAN 13 YEARS OLD, THE SCREENING QUESTIONS WILL BE ABOUT THE PARENTS, EXCEPT QUESTION S1.

FOR CHILDREN 13-17 YEARS OLD, ALL SCREENING QUESTIONS WILL BE ABOUT THE CHILD.

S1. (Have you/Has your child) received services from a health care professional such as a doctor, nurse, drug counselor, mental health counselor, or dentist at { **THE REFERENCE HEALTH CENTER / A HEALTH CENTER** } in the last **12 months**?

- YES..... 1 **GO TO S1a**
- NO..... 2 **(R NOT ELIGIBLE – THANK R AND END)**
- REFUSED..... 7 **(R NOT ELIGIBLE – THANK R AND END)**
- DON’T KNOW..... 9 **(R NOT ELIGIBLE – THANK R AND END)**

S1a. IF HEALTH CENTER NOT KNOWN: What is the name of the health center (you/your minor child) visited in the past 12 months? _____

S2. What is (your/child's) age? _____ YEARS

S3. IF S2=13-18: Are you currently living with a parent or guardian?

YES..... 1

NO..... 2 **(R NOT ELIGIBLE – THANK R AND END)**

S4. RECORD GENDER. (IF NECESSARY, ASK: (Are you/Is your child) male or female?)

FEMALE.....1

MALE.....2

S5. In what country (were you/was your child) born? (SPECIFY COUNTRY ON SCREENING FORM.)

U.S. 1

OTHER.....2 **SPECIFY** _____

S6. What race or races do you consider (yourself/your child) to be? You may select all that apply.
Are you...

1=White

2=Black or African American

3=American Indian or Alaska Native (American Indian includes North American, Central American, and South American Indians)

4=Native Hawaiian

5=Guamanian or Chamorro

6=Samoa

7=Other Pacific Islander

8=Asian (Including: Asian Indian, Chinese, Filipino, Japanese, Korean, and Vietnamese)

9=OTHER (SPECIFY)_____

S6a. IF ASIAN:

Which group best describes (your/your child's) ethnic background?

1=Asian Indian

2=Chinese

3=Filipino

4=Japanese

- 5=Korean
- 6=Vietnamese
- 7=Other Asian

S7. (Do you/Does your child) speak (IF S8a=2 SAY “CHINESE”/IF S8a=5 SAY “KOREAN”/IF S8a=6 SAY “VIETNAMESE”) as your native or primary language?

- YES..... 1 **CONTINUE**
- NO..... 2 **(R NOT ELEGIBLE – THANK R AND END)**

QS8 AND S9a FOR CHINESE SPEAKERS ONLY:

S8. What is your dominant or preferred dialect?

- Mandarin..... 1 **GO TO QS10**
- Cantonese.....2 **GO TO QS10**
- Fukanese..... 3 **GO TO QS9a**
- Other Specify: _____ **GO TO QS9a**

S9a. Are you able to communicate in Mandarin (or Cantonese) without difficulty?

- 1. YES (SPECIFY MANDARIN OR CANTONESE)..... **CONTINUE**
- 2. NO..... **(R NOT ELEGIBLE – THANK R AND END)**

S9. In addition to (MANDARIN/CANTONESE/KOREAN/VIETNAMESE), (do you/does your child) speak any English?

- 1. YES..... **CONTINUE**
- 2. NO.....**(CODE “NOT AT ALL” TO QS13 AND RECRUIT)**

S10. How well (do you/does your child) speak English? Would you say....

- 1. Very well, **(R NOT ELEGIBLE FOR SPANISH TESTING– THANK R AND END)**
- 2. Well, **(R NOT ELEGIBLE SPANISH TESTING – THANK R AND END)**
- 3. Not well **(RECRUIT)**
- 4. Not at all **(RECRUIT)**

ELIGIBILITY: IF RESPONDENT MEETS THESE CRITERIA – CONTINUE WITH COLLECTION OF CONTACT INFORMATION, OTHERWISE THANK THEM FOR THEIR TIME AND EXPLAIN THAT THEY DO NOT MEET THE REQUIREMENTS OF THE STUDY

S1 ONLY YES RESPONSE ELIGIBLE

S3 ONLY YES RESPONSE ELIGIBLE

S7/S10 CHINESE, KOREAN, AND VIETNAMESE SPEAKERS PREFERRED BUT STILL ELIGIBLE FOR ENGLISH COGNITIVE TESTING IF THEY ONLY SPEAK ENGLISH OR PREFER ENGLISH OVER THE ASIAN LANGUAGE.

NAME: _____

GENDER: () MALE () FEMALE

TELEPHONE #: _____ ALTERNATE TELEPHONE # _____

BEST TIME TO CALL: _____